

1. Diễn biến xu thế mực nước: - Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm có khả năng xuống trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên trở lại theo kỳ triều đầu tháng 11 (Âm Lịch); mực nước thấp nhất ngày xuống xuống chậm. - Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực biển đổi chậm trong những ngày tới.														
2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 28/11 đến 02/12/2024														
STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		27/11	So với cùng kỳ 2023	So với TBNN	28/11	29/11	30/11	01/12	02/12
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.85	-0.25	-0.48	1.81	1.84	1.89	1.95	2.01
						Min	0.99	-0.13	-0.96	0.91	0.83	0.77	0.71	0.66
2	Chợ Mới	Ông Chường	2.00	2.50	3.00	Max	1.85	-0.15	0.00	1.82	1.86	1.92	1.99	2.05
						Min	0.81	0.09	-0.37	0.73	0.65	0.59	0.53	0.48
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	2.01	-0.36	-0.62	1.97	1.94	1.92	1.90	1.88
						Min	1.61	-0.41	-0.86	1.53	1.53	1.47	1.44	1.40
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.97	-0.23	-0.20	1.95	1.98	2.03	2.09	2.15
						Min	0.97	-0.10	-0.79	0.89	0.81	0.75	0.69	0.64
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.94	-0.17	0.14	1.94	1.98	2.04	2.11	2.17
						Min	0.76	0.12	-0.04	0.68	0.60	0.54	0.48	0.43
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.88	-0.20	-0.06	1.85	1.89	1.95	2.02	2.07
						Min	0.83	0.02	-0.50	0.75	0.67	0.61	0.55	0.50
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.89	-0.21	-1.01	0.87	0.85	0.84	0.83	0.84
						Min	0.74	-0.29	-1.16	0.69	0.66	0.63	0.60	0.58
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.63	-0.01	-0.40	0.63	0.60	0.58	0.57	0.57
						Min	0.60	0.04	-0.34	0.61	0.57	0.54	0.53	0.52
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.91	-0.13	-0.55	0.89	0.87	0.86	0.85	0.86
						Min	0.70	-0.17	-0.69	0.67	0.64	0.61	0.58	0.56
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.95	-0.16	-0.18	0.93	0.91	0.90	0.89	0.91
						Min	0.81	-0.20	-0.29	0.77	0.74	0.71	0.68	0.66
11	Lò Gạch	Tám Ngàn												

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan